TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14- 4 - 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG -TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Đình Hà**

Ông **Nguyễn Thanh Hồng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Thắng** - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Kim Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2023/ TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 2 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 08/2023/TB-TA ngày 04 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Khu Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H, anh H đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang H kết hôn ngày 30/3/2020, đăng ký tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu không ai ép buộc. Sau kết hôn vợ chồng ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh H tại Khu Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Qúa trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì sảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Đến đầu năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn nên chị H đã về nhà mẹ đẻ ở thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể chung sống tiếp được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là: Nguyễn Thuỳ D, sinh ngày 14/02/2020. Hiện cháu đang ở cùng anh H tại Khu Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi ly hôn chị đồng ý để anh H nuôi dưỡng cháu D.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Không đề nghị tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Quang H trình bày: Anh và chị H kết hôn ngày 30/3/2020, đăng ký tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu không ai ép buộc. Sau kết hôn vợ chồng ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh tại Khu Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Qúa trình chung sống, vợ chồng thi thoảng có sảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Đến đầu năm 2023, chị H đã về nhà mẹ đẻ ở thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm nhau. Nay chị H xin ly hôn anh, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị H. Trường hợp chị H vẫn nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là: Nguyễn Thuỳ D, sinh ngày 14/02/2020. Hiện cháu đang ở cùng anh tại Khu Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quan điểm của anh là muốn tiếp tục được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Không đề nghị tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

3. Qúa trình giải quyết vụ án các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Bị đơn anh H đã được Tòa án gửi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng anh H không đến Tòa. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 207, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết 326/2016/ UBTQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án.

+ Xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thuỳ D, sinh ngày 14/02/2020 cho anh Nguyễn Quang H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trương Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh H tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Trương Thị H và bị đơn là anh Nguyễn Quang H đều có nơi cư trú tại Khu Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a,

khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn chị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt chị H. Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Quang H.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trương Thị H và anh Nguyễn Quang H là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2020, đăng ký tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu không ai ép buộc, sau kết hôn vợ chồng anh chị ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh tại Khu Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Theo chị H, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng cuối năm 2022 thì sảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Đến đầu năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn nên chị H đã về nhà mẹ đẻ ở thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm nhau. Theo anh H, qúa trình chung sống, vợ chồng thi thoảng có sảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Đến đầu năm 2023, chị H đã về nhà mẹ đẻ ở thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm nhau. Quan điểm của chị H đề nghị được ly hôn anh H. Quan điểm của anh H là không đồng ý ly hôn, vì vẫn còn tình cảm với chị H. Trường hợp chị H vẫn nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Qua xác minh được chính quyền địa phương cung cấp: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Quang H là vợ chồng đều có nơi cư trú tại Khu Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Hiện anh H đang có mặt tại địa phương, còn chị H đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở Vĩnh Phúc. Trong cuộc sống chung vợ chồng chị H và anh H có mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi vã nhau, theo như chị H khai báo nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên sảy ra cãi vã. Đến đầu năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn nên chị H đã về nhà mẹ đẻ ở thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đó đến nay.

Anh H cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H, không muốn ly hôn, nhưng anh cũng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thời gian chị H về nhà đẻ từ đầu năm 2023, anh H cũng không lần nào đến để đón chị H để động viên, chăm sóc, thể hiện sự quan tâm để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh cho rằng nếu chị H nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý, chứng tỏ rằng anh không quyết tâm hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh H là mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Quang H thống nhất vợ

chồng có 01 con chung là Nguyễn Thuỳ D, sinh ngày 14/02/2020. Hiện cháu đang ở cùng anh H tại Khu Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quan điểm của anh H là muốn tiếp tục được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị H cũng đồng ý để anh H nuôi dưỡng cháu D. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận của chị H và anh H về việc nuôi con chung và cấp dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp nên cần chấp nhận. Do vậy cần giao con chung là cháu Nguyễn Thuỳ D, sinh ngày 14/02/2020 cho anh Nguyễn Quang H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trương Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh H tự nguyện không yêu cầu. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung ,công sức: Chị H và anh H không đề nghị Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 207, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án.

1. Xử: cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thuỳ D, sinh ngày 14/02/2020 cho anh Nguyễn Quang H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh H tự nguyện không yêu cầu. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000đ. Xác nhận chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0004339 ngày 27/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Báo cho các đương sự (vắng mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Đoan Hùng;*
- *Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;*
- *UBND xã ……;*
- *Lưu HS + VP*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khanh